

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25/6/2020
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Vẹn;
2. Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Ngọc Y (Nhu Ý), sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ 22, khóm A, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn Th, sinh năm 1981; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 6, khóm D (cũ khóm H), phường F, thị xã T, tỉnh An Giang. Nơi ở hiện nay (tạm trú): Quốc lộ 50, đường 4, tổ 4, ấp T, xã P, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

Chị Y và anh Th đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Ngọc Y trình bày: Vào năm 2010, chị Y và anh Th tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận

đăng ký kết hôn số 13/2015, quyền số I/2015, ngày 24/02/2015. Sau lễ cưới, chị Y và anh Th sinh sống thường xuyên ở thành phố Hồ Chí Minh địa chỉ số 2/5 đường Lã Xuân Oai, phường Long Trường, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm. Vào ngày 07/01/2020, chị Y và anh Th có uống bia chung với bạn bè, anh Th kêu chị Y về Y nhà trọ, chị Y nói uống vài ly bia nữa về. Anh Th không nghe chị Y nói nên anh Th dùng tay, đánh chị Y 01 cái, từ đó vợ chồng không nói chuyện cho đến nay. Hiện tại tình cảm của chị Y đối với anh Th đã hết. Chị Y yêu cầu ly hôn với anh Th.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Y và anh Th có 01 con chung tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 23/6/2015.

Chị Y yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu Kiệt, chị Y có nguồn thu nhập hàng tháng ổn định từ việc làm thuê (6.100.000 đồng/tháng) và bán thức ăn sáng tại quán (nơi chị Y làm thuê), thu nhập dao động 150.000 đồng đến 250.000 đồng/ngày nên không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, chị Y còn đang trực tiếp nuôi dạy cháu Trần Bảo Trâm, sinh năm 2007 (con riêng của chị Y). Cuộc sống chị Y và các con đã ổn định..

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Tuấn Th trình bày: Thống nhất về thời gian, điều kiện đi đến hôn nhân, quá trình chung sống của vợ chồng như chị Y trình bày. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm. Vào ngày 07/01/2020, chị Y và anh Th có uống bia chung với bạn bè, anh Th kêu chị Y về Y nhà trọ, chị Y nói uống vài ly bia nữa về. Anh Th không nghe chị Y nói nên anh Th dùng tay, đánh chị Y 01 cái, từ đó vợ chồng không nói chuyện cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng giữa anh Th và chị Y không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nếu tiếp tục kéo dài sẽ gây đau khổ cho nhau. Anh Th thống nhất thuận tình ly hôn với chị Y

Về con chung, trong thời kỳ hôn nhân, anh Th và chị Y có 01 con chung tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 23/6/2015.

Anh Th yêu cầu được nuôi dạy cháu Kiệt, không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Th có công việc và có nguồn thu nhập ổn định. Chị Y đã có con riêng tên Trần Bảo Trâm, sinh năm 2007 nên với mức thu nhập hàng tháng thì chị Y không đủ điều kiện nuôi hai con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải về tình cảm và con chung giữa các đương sự nhưng không thành.

Theo biên bản xác minh Công ty TNHH DL và TM Thành Thành Phát ngày 16/5/2020 (do chị Y yêu cầu): Thời gian làm việc của anh Th không ổn

định, tùy theo mặt hàng đã được giao hết hay không. Thu nhập ổn định hàng tháng từ trên 15.000.000 đồng.

Biên bản xác minh Hội Liên hiệp Phụ nữ phường Long Thạnh, Ban khóm Long Thị D, Long Thạnh A: Anh Th và chị Y sinh sống chủ yếu tại Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng đầu năm 2020, chị Y trở về địa phương sinh sống thường xuyên cùng với gia đình. Hiện tại, chị Y ở địa phương có công việc và có thu nhập ổn định. Hiện cháu Kiệt đang sống chung với chị Y và được chị Y nuôi dạy tốt, đi học đúng độ tuổi.

Biên bản ghi nhận lời khai của chị Phan Thị Ngọc Dung và chị Thi Thị Thiên Hương (do anh Th yêu cầu): Chị Y phụ tiếp chị Dung thu phí và quản lý khu vui chơi trẻ em, mức lương 3.000.000 đồng/tháng (Thứ 7, chủ nhật 20.000 đồng 30.000 đồng/ngày). Phụ tiếp chị Hương phục vụ giải khát cho khách, mức lương 3.100.000 đồng/tháng (làm thêm giờ 15.000 đồng đến 20.000 đồng/giờ).

Tại phiên tòa, Chị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh Th thống nhất thuận tình ly hôn, về con chung: anh Th đồng ý giao con chung Nguyễn Tuấn K cho chị Y nuôi dạy, anh Th cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đồng/tháng.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196, Điều 197, Điều 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận, Hôn nhân của chị Y và anh Th là hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, chị Y và anh Th thỏa thuận với nhau về các vấn đề trong vụ án hôn nhân gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 52, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Ngọc Y và anh Nguyễn Tuấn Th..

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Y và anh Th về việc giao cháu Nguyễn Tuấn Kiệt, sinh ngày 23/6/2015 cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc; Anh Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con trưởng thành và tự lao động được.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

Về thẩm quyền: Chị Trần Ngọc Y khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tuấn Th. Anh Th có đăng ký thường trú tại: tổ 6, khóm D (cũ khóm H), phường F, thị xã T, tỉnh An Giang. Nơi ở hiện nay: Quốc lộ 50, đường 4, tổ 4, ấp T, xã P, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. Anh Th có yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu giải quyết tranh chấp hôn nhân giữa anh Th và chị Y. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện sau thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 13/2015, quyển số I/2015, ngày 24/02/2015 nên hôn nhân giữa các đương sự là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Sau khi kết hôn, giữa chị Y và anh Th đã xảy ra mâu thuẫn, điều này được chị Y và anh Th thừa nhận tại phiên tòa. Vợ chồng chị Y và anh Th phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2019 cho đến nay, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm. Chị Y và anh Th nhận thấy cuộc sống vợ chồng giữa anh Th và chị Y không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc thuận tình ly hôn giữa chị Y và anh Th là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Ngọc Y và anh Nguyễn Tuấn Th theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Theo đơn khởi kiện của chị Y, bản tự khai của chị Y và anh Th, biên bản hòa giải về con chung chị Y và anh Th đồng thống nhất khai có 01 (một) Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 23/6/2015.

Tại phiên tòa, chị Y yêu cầu được nuôi dạy cháu Kiệt và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Th đồng ý giao cháu Kiệt cho chị Y nuôi dạy và

tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét, chấp nhận.

Chị Y cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Th trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi các con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y và anh Th thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Y phải chịu 300.000 án phí, nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Th không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Ngọc Y và anh Nguyễn Tuấn Th.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 13/2015, quyền số I/2015, ngày 24/02/2015 do Ủy ban nhân dân phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho chị Trần Ngọc Y và anh Nguyễn Tuấn Th không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Chị Trần Ngọc Y được tiếp tục nuôi dạy cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 23/6/2015; Công nhận sự tự nguyện của anh Th cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Kiệt thành niên và có khả năng lao động.

Chị Y cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Th trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi các con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Chị Trần Ngọc Y phải chịu 300.000 đồng án phí, nhưng được khấu trừ vào 300.0000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số TU/2017/0002469 ngày 31/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu; chị Y đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Tuấn Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Y và anh Th có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX. Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bạch Tuyết